TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/HNGĐ-ST
Ngày:10- 5 -2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Văn Tý
2. Ông Phạm Việt Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Bản N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
"Có đơn xin xử vắng mặt"

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Bản N, xã P, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.
"Vắng mặt không lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2005 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D nghiện ma túy, chị và gia đình cũng đã khuyên giải và cho cơ hội nhiều nhưng anh D không sửa đổi được, anh D không chịu làm ăn còn đánh đập chị. Từ tháng 8/2022 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xác định không còn tình cảm đối với anh D nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 04/3/2006 và Hoàng Thị Anh Đ, sinh ngày 05/6/2016. Chị T nhận sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Hoàng Văn N, Hoàng Thị Anh Đ; bản sao căn cước công dân của Lường Thị T; bản sao sổ hộ khẩu gia đình Hoàng Văn D.

Tại bản tự khai bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2005 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh bị bệnh (trĩ) trong lúc đi chơi uống rượu bị bạn bè rủ rê nên anh đã 5 lần sử dụng ma túy, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh đoàn tụ.

Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 04/3/2006 và Hoàng Thị Anh Đ, sinh ngày 05/6/2016. Anh D nhận sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị T và anh D không bổ sung tài liệu gì. Về quan hệ hôn nhân: chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị ly hôn, anh D xin được đoàn tụ; Về con chung: chị T và anh D đều nhận được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thể hiện, chị T và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D nghiện chất ma túy, hiện đang là đối tượng bị theo dõi tại địa phương. Nay chị T xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 04/3/2006 và Hoàng Thị Anh Đ, sinh ngày

05/6/2016. Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ngày 01/02/0223 chị Lường Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số:08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Lường Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 16/9/2005 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dũng nghiện chất ma túy, không chịu khó làm ăn, hiện đang là đối tượng bị theo dõi tại địa phương, từ tháng 8/2022 vợ chồng đã ly thân, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh D có 02 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 04/3/2006 và Hoàng Thị Anh Đ sinh ngày 05/6/2016. Xét thấy chị T nhận được nhận nuôi dưỡng cả 2 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng anh D là người nghiện chất ma túy, thường xuyên vắng mặt tại địa phương; cháu N và cháu Đ đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Thắm phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lường Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Hoàng Văn N, sinh ngày 04/3/2006 và Hoàng Thị Anh Đ, sinh ngày 05/6/2016.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0003018 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Phú